

Bản án số 420/2022/HC-PT

Ngày 19/9/2022

*V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết  
khiếu nại và yêu cầu thực hiện hành vi  
hành chính trong lĩnh vực đất đai”*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tự Học;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Việt Hà;

Ông Thái Duy Nhiệm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

**- Hỗ trợ Hội đồng xét xử phúc thẩm tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Ông Dương Chí Dũng, Công chức Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến đối với vụ án hành chính thụ lý số 622/2020/TLPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8572/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 203, đường Thân Kh, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang:* Ông Nguyễn Thanh T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Bắc Giang; có mặt.

2. Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Ô P - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang:* Ông Vũ Văn H - Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Bắc Giang:* Ông Nguyễn Thanh T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Bắc Giang; có mặt.

2. UBND tỉnh Bắc Giang; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Ô P - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. UBND và Chủ tịch UBND xã Song M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị D1 - Chủ tịch; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 408M, đường Xương Gi, phường Ngô Q, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1988; địa chỉ: Nước Cộng hòa Pháp; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị Ngọc A1:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 203, đường Thân Kh, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

6. Bà Thân Thị D2, sinh năm 1933; địa chỉ: thôn Đ, xã Song M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn An B, xã Tân T1, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Nhà 17B, Ngõ 12A, Tập thể quân đội phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Năm 1989, gia đình ông được mua một lô đất ở và được UBND xã Song M cắm mốc bàn giao theo Biên bản cắm mốc giao đất ở số 22/UB với diện tích 90m<sup>2</sup>, địa chỉ: cửa làng M Cao, xã Song M có hiện trạng: Chiều dài phía Nam là

20m giáp nhà ông Tuyên; chiều dài phía Bắc là 20m giáp nhà ông H1; chiều rộng giáp đường 34 là 4,5m; chiều rộng phía Tây giáp ruộng canh tác là 4,5m.

Ngày 12/12/1989, vợ ông là bà Hoàng Thị Ph đến UBND xã Song M nộp số tiền 130.000 đồng lệ phí đất tại Phiếu thu số 101. Do ông làm trong quân đội nên ít khi được về gia đình, vợ ông là người theo dõi, quản lý đất đai, tài sản của gia đình. Ngày 06/5/2004, vợ ông qua đời vì bệnh hiểm nghèo. Đến năm 2007, ông đã làm đơn đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích đất được giao nêu trên nhưng tại các Văn bản số 76/TrL-UBND ngày 10/9/2007; số 81b/UBND ngày 10/10/2007; số 15/TRL-UBND ngày 15/01/2008 của UBND xã Song M trả lời đơn của ông Nguyễn Văn V, số nhà 203 thôn Phúc B, xã Song M và Văn bản số 554/UBND-TNMT ngày 12/5/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V đều kết luận yêu cầu của ông là không giải quyết được.

Sau khi nhận được các văn bản trả lời đơn nêu trên thì ông tiếp tục gửi đơn đề nghị làm rõ yêu cầu của gia đình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Ngày 19/3/2012, ông nhận được Quyết định số 414/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết khiếu nại với nội dung việc ông đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được. Không đồng ý với Quyết định số 414/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang nên ông đã làm đơn khiếu nại lên UBND tỉnh Bắc Giang và được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang trả lời khiếu nại bằng Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông.

Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang thì ông đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang và sau là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khởi kiện:

- Biên bản bàn giao cấm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989 của UBND xã Song M thực hiện theo Quyết định số 882/QĐ/UB ngày 16/12/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc, Phiếu thu tiền số 101 ngày 12/12/1989 và đến nay chưa có bất cứ văn bản nào của cơ quan chức năng có thẩm quyền thể hiện việc trao đổi đất từ làng Mai Cao về khu Đồng Hệ cho gia đình ông;

- Diện tích đất ở khu Đồng Hệ gia đình ông đã sinh sống ổn định từ năm 1990 đến nay, không có tranh chấp và được cấp sổ đỏ năm 2005 theo quy định của nhà nước chứ không hề có việc đổi đất từ nơi này về nơi kia và hai thửa đất này hoàn toàn độc lập, không liên quan gì với nhau;

- Quyết định số 281/QĐ-UBND đã nêu: tại Quyết định số 67/UB ngày 16/7/1989 của UBND tỉnh Hà Bắc thì gia đình ông được cấp đất ở tại khu Đồng Hệ chứ không phải đổi đất như các cơ quan đã trình bày tại các văn bản trả lời ông;

- Các cơ quan chức năng đã căn cứ vào bản tường trình của các ông Thân Văn Thìn (nguyên Chủ tịch UBND xã); ông Tống Văn Loan (nguyên cán bộ địa chính xã); ông Nguyễn Văn Hải (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã) nhiệm kỳ 1988-1994 để khẳng định việc vợ ông đổi đất là không có cơ sở bởi đây chỉ là lời khai chứ không có văn bản nào thể hiện ý chí của vợ ông và gia đình ông;

- UBND tỉnh Bắc Giang căn cứ khoản 5 Điều 28 Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai năm 1988 để khẳng định việc giao lô đất tại khu vực cửa làng Mai Cao, sau đó đổi đất sang khu Đồng Hệ là hoàn toàn không phù hợp bởi: Đất ở khu vực Đồng Hệ gia đình ông được UBND xã Song M lập danh sách cấp từ năm 1988 dựa trên danh sách xin đất làm nhà ở năm 1987, còn đất ở khu vực Mai Cao là gia đình ông được mua năm 1989 nên đây là hai việc khác nhau.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết:

- Tuyên hủy các Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang;

- Đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang và UBND xã Song M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình ông đã được giao và nộp tiền theo Biên bản số 22/UB năm 1989 và Phiếu thu tiền số 101 ngày 12/12/1989 của UBND xã Song M.

*\* Tại văn bản trình bày quan điểm ngày 08/6/2018 và các lời khai tiếp theo, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày:*

#### 1. Về trình tự, thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Ông Nguyễn Văn V có đơn đề nghị UBND xã Song M, UBND thành phố Bắc Giang làm các thủ tục để gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất tại địa điểm cửa làng Mai Cao, xã Song M với diện tích là 90m<sup>2</sup> mà gia đình ông đã được UBND xã Song M giao cho bà Hoàng Thị Ph năm 1989. Chủ tịch UBND xã Song M trả lời tại các Văn bản số 76/TrL-UBND ngày 10/9/2007, số 81b/UBND ngày 10/11/2007, số 15/TRL-UBND Ngày 15/01/2008, số 52/QĐ-UBND. Ngày 29/10/2009 cho rằng UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 đã đổi đất cho bà Hoàng Thị Ph từ khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ. Vì vậy, gia đình ông không được làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị.

Không đồng ý với các văn bản trả lời của UBND xã Song M, ông V đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang. Ngày 19/3/2012, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang có Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang (lần một).

Không nhất trí với giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang, ông V có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh và đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết (lần 2) tại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013.

Như vậy, giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 là đúng trình tự và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011 và điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003.

## 2. Nội dung vụ việc:

### 2.1. *Kết quả xem xét về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng thửa đất mà ông V khởi kiện.*

Ngày 08/12/1986, UBND tỉnh Hà Bắc có Quyết định số 882/UB về việc cấp đất xây dựng nhà ở cho nhân dân và cán bộ công nhân viên tại khu vực thị xã Bắc Giang. Tại quyết định chỉ thể hiện là trưng dụng 19.213m<sup>2</sup> đất canh tác tại khu vực dọc đường 34 thuộc địa phận xã Song M, cấp cho UBND thị xã Bắc Giang dùng vào mục đích xây dựng nhà ở cho nhân dân và cán bộ công nhân viên, trước khi xây dựng UBND thị xã Bắc Giang cùng với UBND xã Song M, Ban quản lý ruộng đất tỉnh Hà Bắc đến thực địa lập biên bản cắm mốc phân chia ranh giới khu vực đất theo đúng bản đồ đã duyệt (*không có danh sách các hộ được giao đất kèm theo quyết định*).

Tại Biên bản cắm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989 (*không có ngày, tháng*) của UBND xã Song M đã giao cho bà Hoàng Thị Ph (vợ ông V) một lô đất ở với chiều dài phía Nam là 20m giáp hộ ông Tuyên; chiều dài phía Bắc là 20m giáp hộ ông H1; chiều rộng giáp đường 34 là 4,5m; chiều rộng phía Tây giáp ruộng canh tác là 4,5m; tổng diện tích là 90m<sup>2</sup> và chủ hộ nhận đất ký tên “V”. Bà Ph đã nộp lệ phí đất ở cho UBND xã Song M tại Phiếu thu số 101 ngày 12/12/1989 với số tiền là 130.000 đồng. Biên bản này có căn cứ vào Quyết định số 882/UB ngày 08/12/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc.

Ngày 16/7/1989, UBND tỉnh Hà Bắc có Quyết định số 67/UB về việc cấp đất ở cho nhân dân xã Song M (thị xã Bắc Giang) tại khu vực Đồng Hệ, Ao Bèo, Dộc Đình, Cửa Đình. Tại danh sách có kèm theo quyết định các hộ xin đất làm nhà ở năm 1987 do UBND xã Song M lập và ký xác nhận ngày 20/7/1988 có tên bà Hoàng Thị Ph thôn An Phú, số nhân khẩu 3, diện tích xin giao là 180m<sup>2</sup>.

Tại các bản tường trình ngày 06/01/2008 và ngày 08/01/2008 của ông Thân Văn Thìn - nguyên Chủ tịch UBND xã, ông Tống Văn Loan - nguyên cán bộ địa chính, ông Nguyễn Văn Hải - nguyên phó chủ tịch UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 trình bày: việc giao đất cho bà Hoàng Thị Ph ở khu vực thôn Mai Cao theo Biên bản giao đất số 22/UB năm 1989 là có thật. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh (*bà Ph là con liệt sỹ, chồng là bộ đội*) và theo đề nghị của gia đình nên UBND xã Song M đã đổi đất cho bà Ph từ khu vực thôn Mai Cao về khu vực Đồng Hệ để thuận tiện việc làm nhà và công tác. Tuy nhiên, việc đổi đất

thời gian đó không làm các thủ tục theo quy định và cũng không thu hồi lại biên bản giao đất ở khu vực Mai Cao của hộ bà Ph.

Hiện nay, gia đình ông Nguyễn Văn V (bà Ph) đang sử dụng thửa đất ở khu vực Đồng Hệ và đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích là 319,3m<sup>2</sup>.

## *2.2. Diễn biến vụ việc và giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang:*

Ngày 09/01/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Giang có Báo cáo số 01/BC-UBND về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V, trú tại số nhà 203, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang có nội dung: “ ... *đề nghị UBND thành phố thành lập Đoàn thanh tra để làm rõ việc giao đất, cấp GCNQSD đất tại khu vực Mai Cao, khu vực Đồng Hệ để có cơ sở khách quan trong việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V*”.

Ngày 02/02/2009, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang có Quyết định số 266/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác thẩm tra, xác minh, kết luận và đề xuất biện pháp giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V, trú tại số nhà 203, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang.

Ngày 29/4/2009, Tổ công tác có Báo cáo số 01/BC-TCT-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V, trú tại số nhà 203, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang có nội dung: “ *b. Việc đổi đất của gia đình ông V, bà Ph:*

- ...*Việc UBND xã Song M có biên bản số 22/UB năm 1989 (không có ngày, tháng) giao đất ở cho hộ gia đình ông V, bà Ph là có thật. Sau đó bà Ph có đặt vấn đề với UBND xã xin đổi lô đất được giao ở khu vực Mai Cao về khu Đồng hệ và được UBND xã nhất trí (việc xin đổi đất ...chỉ trao đổi bằng miệng... không làm các thủ tục pháp lý theo quy định) ...*

-... *Mặt khác qua kiểm tra xác minh vào cùng thời điểm (năm 1989,1990) một hộ gia đình không thể có 2 lần được HTX, xã xét giao đất - cho nên việc đổi đất như kết quả xác minh là có cơ sở - phù hợp với thực tế...”*.

Ngày 12/5/2009, UBND thành phố Bắc Giang có Công văn số 554/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V có nội dung: “ ...*Việc UBND xã Song M (nhiệm kỳ 1989-1994) có Biên bản cấm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thực. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình và lô đất ở Mai Cao quá sâu nên bà Ph xin đổi lô đất được giao ở khu Mai Cao về khu Đồng Hệ và được UBND xã nhất trí chuyển đổi (đất đổi đất, không thu tiền - có các biên bản xác minh, người làm chứng), cho nên trong danh sách, sơ đồ phân lô cấp đất ở tại khu vực Mai Cao không có tên hộ bà Ph, ông V từ trước đến nay...Việc đổi đất nêu trên tuy không có các thủ tục theo quy định, song thực tế gia đình ông V, bà Ph đã sử dụng ổn định và làm nhà ở tại khu Đồng Hệ từ năm 1990...và ngày 10/10/2005 được UBND thành phố cấp GCNQSD đất với diện tích 319,3m<sup>2</sup> đất ở...”*. Ông V không đồng ý và đã có đơn khiếu nại.

Ngày 07/7/2009, Tổ công tác có Báo cáo số 02/BC-TCT-TNMT báo cáo về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V, trú tại số nhà 203, thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang có nội dung: “...*Đề nghị Chủ tịch UBND thành phố giữ nguyên Công văn số 554/UBND-TNMT ngày 12/5/2009 của Chủ tịch UBND thành phố và không có giải quyết nào khác*”.

Ngày 14/3/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Giang có Báo cáo số 80/BC-TNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang có nội dung: “*Việc UBND xã Song M (nhiệm kỳ 1989-1994) có Biên bản cấm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph (là vợ của ông V) ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thực. Sau đó... bà Ph có đặt vấn đề với UBND xã xin đổi lô đất được giao ở khu Mai Cao về khu Đồng Hệ và được UBND xã nhất trí chuyển đổi (đất đổi đất, không thu tiền - có các biên bản xác minh, người làm chứng). Đối chiếu với quy định tại thời điểm cho thấy: Không thể có 01 trường hợp (hộ) được giao, cấp 02 lô đất. Do vậy, trong danh sách, sơ đồ phân lô cấp đất ở tại khu vực Mai Cao không có tên hộ bà Ph, ông V từ trước đến nay... Việc đổi đất nêu trên tuy không có các thủ tục theo quy định, song thực tế gia đình ông V, bà Ph đã sử dụng ổn định và làm nhà ở tại khu Đồng Hệ từ năm 1990... và ngày 10/10/2005 được UBND thành phố cấp GCNQSD đất với diện tích 319,3m<sup>2</sup> đất ở...*”.

Ngày 19/3/2012, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang có Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang có nội dung: “*Điều 1. ...Việc ông đề nghị cấp Giấy CNQSD đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được; việc ông Nguyễn Văn V không nhất trí với Công văn số 554/UBND-TNMT ngày 12/5/2009 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V là không có cơ sở.*”

Không nhất trí, ông Nguyễn Văn V có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do UBND thành phố Bắc Giang cung cấp và kết quả xác minh, thấy:

Việc UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 có Biên bản cấm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph (vợ ông Nguyễn Văn V) ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thật.

Việc UBND xã Song M có đổi đất cho gia đình bà Ph từ khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ là có cơ sở vì theo tường trình của những người làm chứng, nguyên là cán bộ UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 đến nay đều khẳng định điều này. Mặt khác, theo Quyết định số 67/UB ngày 16/7/1989 của UBND tỉnh Hà Bắc về việc cấp đất ở cho nhân dân xã Song M tại khu vực Đồng Hệ, Ao Bèo, Dộc Đình, Cửa Đình và danh sách các hộ xin đất làm nhà ở năm 1987 do

UBND xã Song M lập và ký xác nhận ngày 20/7/1988 kèm theo quyết định có tên bà Hoàng Thị Ph thôn An Phú, số nhân khẩu 3, diện tích xin giao là 180m<sup>2</sup>.

Việc đổi đất cho hộ gia đình ông V không được lập thành văn bản là do lỗi của UBND xã Song M thời điểm đó. Song, trên thực tế, thời điểm đó ông V cũng không có ở nhà (ông V là bộ đội đóng quân ở xa) nên không thể khẳng định là không có việc đổi đất. Việc đổi đất này do UBND xã Song M (thời kỳ 1989-1994) trao đổi và thống nhất với vợ ông là bà Ph (đã chết năm 2004). Sau nhiều năm, khi bà Ph còn sống (là người thực hiện việc nộp tiền đất, nhận cắm mốc giao đất đối với thửa đất ở Mai Cao, cũng là người đặt vấn đề đổi đất về khu vực Đồng Hệ và đã được UBND xã chấp thuận) gia đình ông V không có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất ở Mai Cao, nay bà Ph đã chết ông V mới đề nghị để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất này là không thể thực hiện được.

*2.3. Căn cứ pháp luật để Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013:*

- Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu của UBND thành phố Bắc Giang xác minh, cung cấp và qua xác minh thấy: Việc UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 có Biên bản cắm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph (vợ ông Nguyễn Văn V) ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thật. Tuy nhiên, do điều kiện, hoàn cảnh gia đình, bà Ph (vợ ông V) có đặt vấn đề với UBND xã Song M xin đổi đất đã được giao ở khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ và được UBND xã Song M nhất trí chuyển đổi là có thật (*có bản tường trình của các ông nguyên cán bộ UBND xã Song M*). Tại Quyết định số 67/UB ngày 16/7/1989 của UBND tỉnh Hà Bắc ... có tên bà Hoàng Thị Ph thôn An Phú, số nhân khẩu 3, diện tích xin giao là 180m<sup>2</sup>. Thực tế gia đình bà Ph đã được giao đất ở tại khu vực Đồng Hệ và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

- Căn cứ điểm a Điều 35 Luật Đất đai năm 1987; điểm 5 Điều 28 Nghị định Số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 về việc thi hành Luật đất đai; Quyết định 824/QĐ ngày 20/11/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc (cũ); Nghị quyết số 337/NQ-HĐ ngày 13/05/1988 của HĐND tỉnh Hà Bắc (cũ) thì việc gia đình ông V chỉ được giao 01 lô đất và sau đó có đổi về khu vực Đồng Hệ (*với lý do: Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, khu vực cửa làng Mai Cao sâu quá lên không thể xây dựng nhà ở ngay được, bà Ph có đến UBND xã Song M thời điểm đó đặt vấn đề được đổi về khu Đồng Hệ để tiện cho việc xây dựng nhà ở và được lãnh đạo UBND xã thời điểm đó nhất trí - việc đổi đất chỉ thống nhất bằng miệng, không được lập thành văn bản - có các bản tường trình của các ông nguyên là lãnh đạo xã thời điểm đó xác thực, thừa nhận*) là có cơ sở; vì theo các quy định trên, ở thời điểm đó một hộ gia đình chỉ được giao 01 lô đất ở mới.

Đến thời điểm giải quyết đơn đề nghị của ông V (năm 2012-2013), lô đất ở khu Đồng Hệ của gia đình ông V đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở diện tích 319,3m<sup>2</sup> tại Quyết định số 118/QĐ-



UBND ngày 10/10/2005 (thực tế lô đất này gia đình ông được giao chỉ có diện tích 180m<sup>2</sup>, dôi dư 139,3m<sup>2</sup> không rõ nguồn gốc - hồ sơ cấp giấy chứng nhận chỉ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất - không có chữ ký của chủ hộ và ý kiến thẩm tra của phòng chuyên môn, chỉ có xác nhận của UBND xã Song M). Như vậy, việc UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực Đồng Hệ cho gia đình ông V là đã theo hướng có lợi đối với gia đình ông.

Đến nay, lô đất của hộ ông V được giao năm 1989 tại khu vực cửa làng Mai Cao đã được giao cho người khác. Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, việc ông V đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất ở cửa làng Mai Cao, theo biên bản giao đất ở và phiếu thu tiền năm 1989 là không giải quyết được.

- Việc Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang là khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm a Điều 35 Luật Đất đai năm 1987; điểm 5 Điều 28 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 về việc thi hành Luật đất đai; Quyết định 824/QĐ ngày 20/11/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc (cũ); Nghị quyết số 337/NQ-HĐ ngày 13/05/1988 của HĐND tỉnh Hà Bắc (cũ); khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ra quyết định giải quyết thống nhất với giải quyết của UBND thành phố Bắc Giang tại Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang.

### 3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:

- Giữ nguyên Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang.

- Bổ sung Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng vụ án hành chính do ông Nguyễn Văn V khởi kiện.

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính đối với ông Nguyễn Văn V đến nay đã hết; đề nghị Tòa Hành chính - Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đình chỉ khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tại các văn bản trình bày quan điểm ngày 23/11/2018, ngày 06/9/2019 và các lời khai tiếp theo, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Bắc Giang, đều do ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông đồng ý với trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc

Giang về diễn biến vụ việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình khiếu nại của ông Nguyễn Văn V.

*\* Về việc giao đất cho bà Hoàng Thị Ph (vợ ông Nguyễn Văn V):*

- Ngày 26/12/1986, UBND tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) có Quyết định số 882/QĐ-UB về việc cấp đất xây dựng ở cho nhân dân và cán bộ công nhân viên tại thị xã Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang).

- Ngày 10/10/1989, UBND xã Song M có Nghị quyết về việc giao đất ở tại địa điểm cửa làng Mai Cao và tổ chức thực hiện xét giao đất cho các hộ:

Tại Biên bản cấm mốc giao đất số 22/UB năm 1989 (không có ngày, tháng), UBND xã Song M giao cho bà Hoàng Thị Ph (vợ ông V) một lô đất ở với chiều dài phía Nam là 20m giáp hộ ông Tuyên; chiều dài phía Bắc là 20m giáp hộ ông H1; chiều rộng giáp đường 34 là 4,5m; tổng diện tích 90m<sup>2</sup> và chủ hộ nhận đất ký tên V. Gia đình ông V, bà Ph đã nộp tiền “lệ phí đất ở” cho UBND xã Song M tại Phiếu thu số 101 ngày 12/12/1989 với số tiền là 130.000 đồng. Tại biên bản này có căn cứ Quyết định số 882/UB ngày 08/12/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc.

- Trong danh sách tổng hợp các hộ xin cấp đất ở tại khu cửa làng Mai Cao do ông Tống Văn Loan cán bộ địa chính thời gian đó lập và bàn giao lại thấy: Đợt 1 có 28 hộ, đợt 2 có 17 hộ (tổng số là 45 hộ) thì không có tên bà Hoàng Thị Ph và ông Nguyễn Văn V.

- Căn cứ Bản tường trình ngày 06/01/2008 và ngày 08/01/2008 của ông Thân Văn Thìn - nguyên Chủ tịch UBND xã, ông Tống Văn Loan - nguyên cán bộ địa chính xã, ông Nguyễn Văn Hải - nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 trình bày thì việc giao đất cho bà Hoàng Thị Ph ở khu vực thôn Mai Cao theo Biên bản giao đất số 22/UB năm 1989 là có thật, sau đó do điều kiện gia đình (bà Ph là con liệt sỹ, có chồng là bộ đội) và theo đề nghị của gia đình, UBND xã Song M nhất trí đổi đất cho bà Ph từ khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ. Tuy nhiên, việc đổi đất thời gian đó không có văn bản và không làm các thủ tục pháp lý theo quy định và cũng không thu hồi lại biên bản giao đất ở khu vực thôn Mai Cao của bà Ph.

- Hiện nay gia đình ông Nguyễn Văn V (bà Ph) đang sử dụng thửa đất ở khu vực Đồng Hệ và đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích là 319,3m<sup>2</sup>.

*\* Quan điểm giải quyết:*

Việc UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 có Biên bản cấm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph (là vợ của ông V) ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thật. Sau đó, do điều kiện gia đình và lô đất ở Mai Cao quá sâu nên bà Ph có đặt vấn đề với UBND xã Song M xin đổi lô đất được giao ở khu Mai Cao về khu Đồng Hệ và được UBND xã Song M nhất trí chuyển đổi là có cơ sở trên thực tế (đất đổi đất, không thu tiền - có các biên bản xác minh, người làm chứng), cho nên trong danh

sách, sơ đồ phân lô cấp đất ở tại khu vực Mai Cao không có tên hộ bà Ph, ông V. Việc đổi đất nêu trên tuy không có các thủ tục theo quy định, song thực tế gia đình ông V, bà Ph đã sử dụng ổn định làm nhà ở tại khu Đồng Hệ từ năm 1990, không có tranh chấp và đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 319,3m<sup>2</sup> đất ở ngày 10/10/2005. Mặt khác, đối chiếu với quy định tại thời điểm đó cho thấy thì hộ gia đình bà Hoàng Thị Ph (vợ ông V) chỉ được giao 01 lô đất ở mới. Nên việc đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được. Do đó, ngày 19/3/2012 Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V, trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang là đúng quy định.

Ngoài ra, tại Văn bản trình bày quan điểm ngày 06/9/2019 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố Bắc Giang do ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đại diện theo ủy quyền còn trình bày: Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất ở khu vực làng Mai Cao gia đình ông V đã nộp tiền và có Biên bản giao đất năm 1989 (là thửa số 24, tờ số 82 bản đồ địa chính đo đạc năm 1998). Căn cứ các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất trên cho thấy tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 82 (đo đạc năm 1998) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng cho 03 hộ gia đình là ông Nguyễn Thế H1, ông Nguyễn Minh Tuyên (nay ông Nguyễn Tiến Th mua lại) và ông Đỗ Văn Đồng. Về nội dung này, ngày 27/5/2019 UBND thành phố Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1824/QĐ-UBND về việc kiểm tra, rà soát các trường hợp cấp trùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tuyến đường Hoàng Hoa Thám, thuộc địa bàn xã Song M, thành phố Bắc Giang. Hiện tổ kiểm tra, rà soát theo quyết định trên đã tổng hợp kết quả kiểm tra, rà soát thì thấy không còn thửa đất đã giao cho hộ bà Ph, ông V nữa.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn V tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 45 (đo đạc năm 1998), khu Đồng hệ, xã Song M.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được UBND xã Song M xác nhận: Hiện trạng sử dụng thửa số 14, tờ số 45, diện tích 319.3m<sup>2</sup>, nguồn gốc sử dụng hợp tác xã cấp năm 1989, phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không tranh chấp, khiếu nại về đất đai, đề nghị cấp 319,3m<sup>2</sup>; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; Tờ tự khai được UBND xã Song M xác nhận nguồn gốc được Hợp tác xã Trường Xuân cấp theo Quyết định số 67/UB của UBND tỉnh Hà Bắc; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Bắc Giang cấp năm 2005. Căn cứ xác nhận của UBND xã Song M, hồ sơ, tài liệu có liên quan và quy định pháp luật, ngày 10/10/2005 UBND thành phố Bắc Giang

đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V tại thửa đất trên với diện tích 319,3m<sup>2</sup>.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông tin chủ sử dụng đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 82, xã Song M:

Tại văn bản thể hiện quan điểm lần 2 ngày 08/01/2019 người được ủy quyền của UBND thành phố Bắc Giang nêu: “...*thực hiện Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc kiểm tra, rà soát các trường hợp cấp trùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tuyến đường Hoàng Hoa Thám thuộc địa bàn xã Song M, thành phố Bắc Giang, thì thửa đất số 23, tờ bản đồ số 82 được xác định là lô đất đã được UBND xã Song M giao cho ông Nguyễn Thế H1 ngày 24/12/1989 (căn cứ theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 16/12/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc)*”

Về việc nộp thuế của ông Nguyễn Văn V đối với thửa đất tại thôn Mai Cao, xã Song M, thành phố Bắc Giang: Căn cứ tờ khai thuế ngày 05/4/2012 của ông Nguyễn Văn V tại tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với thửa đất (không có số thửa) thuộc thôn Mai Cao, xã Song M với diện tích 90m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn (mua năm 1989), chưa có giấy chứng nhận, được UBND xã Song M xác nhận ngày 28/6/2012, với nội dung: Đất chưa có giấy chứng nhận, không ghi số thửa. Chi cục Thuế đã có thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với thửa đất ông V đã kê khai theo quy định. Kết quả từ năm 2012 đến nay, ông Nguyễn Văn V nộp tổng số tiền là 472.500 đồng (không nợ đọng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp).

Theo đó, việc ông Nguyễn Văn V nộp thuế trên chưa thể hiện là việc thực hiện nộp thuế đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 82 (đo đạc năm 1998), thôn Mai Cao, xã Song M, thành phố Bắc Giang.

Vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

Tại Văn bản trình bày quan điểm ngày 17/6/2019, ngày 18/6/2019 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã Song M và UBND xã Song M đều do bà Nguyễn Thị D1 - Phó Chủ tịch UBND xã Song M đại diện theo ủy quyền (nay bà D1 là Chủ tịch UBND xã Song M) trình bày: Bà đồng ý với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang và của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về diễn biến vụ việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trả lời đơn của UBND xã Song M đối với ông Nguyễn Văn V cũng như quá trình giao đất cho bà Hoàng Thị Ph tại khu Mai Cao và chuyển đổi sang khu Đồng Hệ.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 82, diện tích 90m<sup>2</sup>: Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của các hộ có liên quan, hiện nay đã có 03 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ở tại các Quyết định số 946/QĐ-UB ngày 16/12/2003; số

1234/QĐ-UB ngày 15/10/2004; số 133/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 (cho ông H1, ông Tuyên, ông Đồng) nhưng lại trùng về vị trí và diện tích (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 82, diện tích 90m<sup>2</sup>).

Về quan điểm giải quyết: UBND xã Song M nhiệm kỳ 1989-1994 có Biên bản cắm mốc giao đất ở cho bà Hoàng Thị Ph (là vợ của ông V) ở khu vực Mai Cao, xã Song M là có thật. Sau đó, do điều kiện gia đình và lô đất ở Mai Cao quá sâu nên bà Ph có đặt vấn đề với UBND xã Song M xin đổi lô đất được giao ở khu Mai Cao về khu Đồng Hệ và được UBND xã Song M nhất trí chuyển đổi là có cơ sở trên thực tế (đất đổi đất, không thu tiền - có các biên bản xác minh, người làm chứng), cho nên trong danh sách, sơ đồ phân lô cấp đất ở tại khu vực Mai Cao không có tên hộ bà Ph (ông V). Việc đổi đất nêu trên tuy không có các thủ tục theo quy định, song thực tế gia đình ông bà Ph (ông V) đã sử dụng ổn định làm nhà ở tại khu Đồng Hệ từ năm 1990, không có tranh chấp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 319,3m<sup>2</sup>. Đối chiếu với quy định tại thời điểm đó cho thấy thì hộ gia đình ông V (bà Ph) chỉ được giao 01 lô đất.

Từ thực tế nêu trên, qua kiểm tra hồ sơ tài liệu lưu trữ, kết quả xác minh, việc ông V đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được.

Do đó, Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 của UBND xã Song M và các văn bản khác của Chủ tịch UBND xã Song M và UBND xã Song M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V trú tại thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang đã ban hành là đúng quy định, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

Do bà Hoàng Thị Ph là vợ ông V đã chết nên Tòa án đưa mẹ bà Ph và 2 con bà Ph, ông V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các con của ông V đã khai những nội dung liên quan và điều ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng.*

*Cụ Thân Thị D2 là mẹ đẻ bà Ph đã khai những nội dung liên quan và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.*

*Ông Nguyễn Thế H1 vắng mặt, lời trình bày có trong hồ sơ ông khai: Ông được mua đất cùng đợt với gia đình bà Hoàng Thị Ph ở cửa làng Mai Cao. Sau đó, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003. Nay ông đề nghị được giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với vị trí thửa đất và tờ bản đồ mà ông đã được cấp.*

*Anh Nguyễn Tiến Th khai: Anh mua lại thửa đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trùng thửa với 3 hộ như đại diện UBND thành phố Bắc Giang đã trình bày ở trên. Nếu không có tranh chấp gì, anh đồng*

ý để UBND xã Song M điều chỉnh cho anh sang thửa đất số 23 vì thửa 24 đã cấp và giữ nguyên cho ông H1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 24/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Căn cứ Điều 49, Điều 52, Điều 136, Điều 138 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 20, Điều 37 Luật khiếu nại năm 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2005; khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy các Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và các văn bản có liên quan về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V trú tại: thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang;

2. Bác yêu cầu khởi kiện UBND thành phố Bắc Giang, UBND xã Song M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình ông Nguyễn Văn V đã được giao theo Biên bản về việc cắm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989, Phiếu thu tiền số 101 ngày 12/12/1989 của UBND xã Song M.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang cho tiến hành kiểm tra, rà soát việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị Ph nói riêng và các hộ gia đình khác nói chung thuộc địa bàn xã Song M, thành phố Bắc Giang, giai đoạn 1986-2007, đảm bảo quyền lợi cho người dân, tránh khiếu kiện xảy ra; đồng thời cũng xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân để xảy ra sai sót (nếu có).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang, UBND thành phố Bắc Giang và UBND xã Song M làm thủ tục cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất gia đình ông đã được giao và nộp tiền theo Biên bản số 22/UB năm 1989 và Phiếu thu tiền số 101 ngày 12/12/1989 của UBND xã Song M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn V kháng cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Theo Biên bản cắm mốc giao đất số 22/UB năm 1989 của UBND xã Song M và việc thừa nhận của các đương sự thì việc bà Hoàng Thị Ph được giao lô đất diện tích 90m<sup>2</sup> tại cửa làng Mai Cao, xã Song M là có thật. Ngoài ra, theo trình bày của những người làm chứng là các ông Thân Văn Thìn nguyên Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Hải nguyên Phó chủ tịch, ông Tống Văn Loan nguyên cán bộ địa chính UBND xã Song M giai đoạn 1989-1994 đều khẳng định có việc gia đình bà Ph xin đổi đất từ khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ. Tuy nhiên, theo Danh sách tổng hợp các hộ xin cấp đất ở tại khu cửa làng Mai Cao: Đợt I có 28 hộ; đợt 2 có 17 hộ, không có tên bà Hoàng Thị Ph. Sơ đồ phân lô khu vực Mai Cao theo Quyết định số 882/UB ngày 08/12/1986 do UBND xã Song M lập thể hiện: tổng số 45 lô (đánh số từ 05 đến 49) có tên người được giao đất trùng với danh sách 45 hộ được cấp đất nêu trên, trong đó hộ ông H1 và hộ ông Tuyên ở sát nhau, không thể hiện thửa đất của bà Ph như tại Biên bản giao đất số 22/UB. Thửa đất được cắm mốc cho gia đình bà Ph được giao cho ông Nguyễn Văn H1 sử dụng từ năm 2003 trước khi bà Ph mất, gia đình ông V bà Ph không có ý kiến gì. Thực tế, gia đình ông V hiện đang quản lý sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 45 diện tích 319,3m<sup>2</sup> tại khu Đồng Hệ, xã Song M ghi nguồn gốc đất do HTX cấp năm 1989. Còn thửa đất 90m<sup>2</sup> ở Mai Cao gia đình ông V không sử dụng và không biết vị trí chính xác. UBND tỉnh Bắc Giang và UBND thành phố Bắc Giang trình bày theo quy định của Luật đất đai năm 1987 và Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang, thời điểm năm 1989-1990 mỗi hộ gia đình chỉ được cấp 01 thửa đất. Như vậy, có cơ sở khẳng định có việc bà Ph đã đổi đất từ khu vực Mai Cao về khu vực Đồng Hệ và đã được giao đất ở khu vực Đồng Hệ. Quá trình đó ông V đi công tác xa nên không biết được. Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định trả lời khiếu nại đối với ông V là có căn cứ. Việc UBND xã Song M không thu hồi Quyết định, Biên bản bàn giao đất cho bà Ph năm 1986 là thiếu sót trong quản lý nhà nước về đất đai. Tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã kiến nghị với Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang tiến hành kiểm tra, rà soát việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ph và các hộ dân là cần thiết. Việc ông V xuất trình Biên lai nộp thuế sau khi bà Ph chết không phải căn cứ chứng minh ông V có quyền sử dụng đất đang khiếu kiện theo quy định của

luật đất đai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hành chính về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai mà chứng cứ đã rõ ràng, nên đủ điều kiện để xét xử trực tuyến theo quy định tại Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp.

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang là các văn bản giải quyết khiếu nại của công dân, chứa nội dung quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính. Người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn V trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Bắc Giang vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; UBND và Chủ tịch UBND xã Song M, chị Nguyễn Thị Lan, bà Thân Thị D2, ông Nguyễn Tiến Th, ông Nguyễn Thế H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn V:

[2.1] Về hành vi không xác nhận vào đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giải quyết bằng các văn bản số 76/TrL-UBND ngày 10/9/2007, số 81<sup>b</sup>/UBND ngày 10/11/2007, số 15/TrL-UBND ngày 15/01/2008, số 52/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 của UBND xã Song M; hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Bắc Giang thể hiện tại Văn bản số 554/UBND-TNMT ngày 12/5/2009 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V:



Về thẩm quyền, trình tự thủ tục thực hiện hành vi hành chính: Năm 2007 ông V có đơn đề nghị UBND xã Song M xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ở khu vực Mai Cao đứng tên bà Hoàng Thị Ph (vợ ông V). Sau khi nhận được đơn của ông V, UBND xã Song M đã xác minh thực tế và tổ chức xác minh giải quyết đơn của ông V. Không đồng ý với giải quyết đơn của UBND xã Song M, ông V có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND thành phố Bắc Giang. Sau khi nhận đơn của ông V, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 02/02/2009 về việc thành lập Tổ công tác thẩm tra, xác minh, kết luận và đề xuất biện pháp giải quyết đơn của ông V. Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh, UBND xã Song M, UBND thành phố Bắc Giang có văn bản trả lời đơn của ông V với nội dung “*Việc ông Nguyễn Văn V có đơn đăng ký quyền sử dụng đất ở là không thực hiện được*” và “*việc ông V đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được*”. Như vậy việc thực hiện hành vi hành chính của UBND xã Song M và UBND thành phố Bắc Giang là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc diện tích đất 319,3m<sup>2</sup> tại thửa số 14, tờ bản đồ số 45 địa chỉ thửa đất: thôn Phúc B, Song M, thành phố Bắc Giang được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn V vào ngày 10/10/2005 thấy: Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có tờ tự khai xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 24/11/2004 ghi nguồn gốc do Hợp tác xã cấp năm 1989. Ngoài ra không có giấy tờ nào khác chứng minh nguồn gốc đất; giấy tờ giao đất, cấp đất; thu tiền đất tại khu Đồng Hệ. Việc bà Ph đã đổi đất được giao tại khu Mai Cao về khu Đồng Hệ là đúng với thực tế. Như vậy, việc UBND xã Song M, UBND thành phố Bắc Giang đã căn cứ vào các kết quả xác minh thực tế việc giao đất, đổi đất và sử dụng đất của hộ ông V để không “xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” và không “cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho hộ ông V tại khu Mai Cao theo Biên bản cắm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989 là đúng quy định theo Điều 49 Luật đất đai năm 2003. Do vậy, ông V yêu cầu UBND xã Song M và UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình ông đã được giao và nộp tiền theo Biên bản cắm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989; Phiếu thu số 101 ngày 12/12/1989 của UBND xã Song M là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Ngày 12/5/2009, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang có Công văn số 554/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V với nội dung: “*việc ông V đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được*”. Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch UBND thành

phố Bắc Giang, ông V có đơn khiếu nại và đây thuộc trường hợp khiếu nại về hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Bắc Giang. Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 là giải quyết khiếu nại lần đầu. Như vậy, việc giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang là đúng trình tự, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 20, Điều 37 Luật khiếu nại năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2005.

Về nội dung: Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V đã quyết định: *“việc ông V đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất tại khu vực Mai Cao, xã Song M là không giải quyết được; việc ông Nguyễn Văn V không nhất trí với Công văn số 554/UBND-TNMT ngày 12/5/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn V là không có cơ sở”*. Sau khi ông V có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã giao cho các cơ quan chuyên môn trực tiếp thẩm tra, xác minh các nội dung liên quan đến khiếu nại của ông V. Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã căn cứ vào kết quả thẩm tra, xác minh về việc giao đất, sử dụng đất và đôi đất của bà Ph (vợ ông V) ở khu Mai Cao và khu Đồng Hệ để ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn V trú tại: thôn Phúc B, xã Song M, thành phố Bắc Giang là có cơ sở, đúng quy định.

[2.3] Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Ngày 19/3/2012, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông V. Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang, ông V có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã giao cơ quan chuyên môn là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xác minh, kết luận và đề xuất biện pháp giải quyết đơn khiếu nại của ông V theo Công văn số 682/UBND-TCD ngày 17/4/2012. Sau đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 giải quyết khiếu nại lần hai căn cứ vào Báo cáo số 141/BC-TNMT ngày 10/7/2012, Báo cáo số 110/TNMT-TTS ngày 04/02/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang là đúng trình tự, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật khiếu nại.

Về nội dung: Qua thẩm tra, xác minh xác định: Sau khi hộ bà Ph, ông V được giao đất ở khu Mai Cao theo Biên bản cắm mốc giao đất ở số 22/UB năm 1989 thì đã có việc bà Ph xin đổi đất về khu Đồng Hệ và đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất ở năm 2005 với diện tích 319,3m<sup>2</sup>. Căn cứ điểm a Điều 35 Luật đất đai năm 1987, điểm 5 Điều 28 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 về việc thi hành Luật đất đai; Quyết định số 824/QĐ ngày 20/11/1986 của UBND tỉnh Hà Bắc (cũ); Nghị quyết số 337/NĐ-HĐ ngày 13/5/1988 của HĐND tỉnh Hà Bắc (cũ) thì việc gia đình ông V chỉ được giao 01 lô đất. Vì vậy Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh về việc giao đất, sử dụng đất, đổi đất của bà Ph (vợ ông V) để ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V là có cơ sở, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Nguyễn Văn V kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông Nguyễn Văn V phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Tự Học**

